TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚC THỌ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 03/2022/QĐST-DS	*Phúc Thọ, ngày 08 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 17/2022/TLST- DS ngày 26 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T. Trụ sở: Số 191 đường B, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị Nh - Giám đốc xử lý nợ; bà Lê Thị H – Chuyên viên xử lý nợ

* ***Bị đơn***: Ông Đỗ T1, sinh năm 1974 và bà Đỗ Thị T2, sinh năm 1978; cùng địa chỉ: Thôn 5, xã L, huyện Ph, Thành phố Hà Nội.

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Cháu Đỗ H1, sinh năm 2006 và cháu Đỗ Thị Ngọc C, sinh năm 2014. Người đại diện theo pháp luật cho cháu H, cháu C là ông Đỗ T1 và bà Đỗ Thị T2 (bố mẹ đẻ).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Đỗ T1 và bà Đỗ Thị T2 xác nhận có nợ Ngân hàng T theo hợp đồng tín dụng số PXA201433/HĐTD ngày 04/12/2014 và khế ước nhận nợ số PXA201433.01 ngày 08/12/2014, tạm tính đến ngày 31/5/2022 ông T1, bà T2 phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền như sau: nợ gốc 291.662.000 đồng, lãi trong hạn: 115.458.384 đồng, lãi quá hạn: 196.351.535 đồng. Tổng nợ: 603.471.919 đồng (sáu trăm linh ba triệu bốn trăm bảy mươi mốt nghìn chín trăm mười chín đồng).

2.2. Kể từ ngày 01/6/2022 ông T1, bà T2 phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo lãi suất quy định theo hợp đồng tín dụng số PXA201433/HĐTD ngày 04/12/2014 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2.3. Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, ông Đỗ T1 và bà Đỗ Thị T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ các khoản tiền nêu trên và tiền lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 406, tờ bản đồ số 06 tại xã L, huyện Ph, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội). Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T 363440, Vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00940 QSDĐ/524/QĐH do UBND huyện Ph cấp ngày 15/11/2002, đính chính thông tin bên thế chấp ngày 19/11/2014 tại Phòng tài nguyên và môi trường huyện Ph, thành phố Hà Nội. Diện tích, kích thước tài sản được xử lý là diện tích, kích thước thực tế của tài sản tại thời điểm xử lý Tài sản bảo đảm.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông T1, bà T2 với Ngân hàng.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông T1, bà T2 phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

2.4. Án phí: Ông Đỗ T1 và bà Đỗ Thị T2 tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 14.068.000 đồng. Giảm cho ông T1, bà T2 số tiền án phí 3.468.000 đồng do có hoàn cảnh khó khăn được UBND xã L, huyện Ph, thành phố Hà Nội xác nhận ngày 18/5/2022. Ông Đỗ T1 và bà Đỗ Thị T2 còn phải nộp 10.600.000 đồng (mười triệu sáu trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại Ngân hàng T số tiền 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0040192 ngày 26/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ph, Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm nhân dân huyện Phúc Thọ;
- Chi cục THADS huyện Phúc Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Xuân Tuân